

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH QUẢNG TRỊ

**LỊCH SỬ
PHONG TRÀO CÔNG NHÂN
VÀ CÔNG ĐOÀN TỈNH QUẢNG TRỊ
(1930 - 2003)**

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI - 2004**

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Trị

BAN BIÊN SOẠN

- 1- Phan Thanh Sơn - Chủ biên**
- 2- Phan Quyết**
- 3- Lương Trung Thông**
- 4- Lê Kiên Cường**
- 5- Nguyễn Tài Lương**

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA:

*Ban Tuyên giáo Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Trị và một số
cán bộ lão thành của Công đoàn tỉnh Quảng Trị qua các thời kỳ.*

ĐIỂM ĐỌC
THƯỜNG VỤ

LỜI NÓI ĐẦU

Bảy mươi lăm năm qua, hòa trong dòng thác cách mạng của quê hương, đất nước, các thế hệ cán bộ, đoàn viên công đoàn, CNVC-LĐ Quảng Trị đã nối tiếp nhau sát cánh cùng giai cấp công nhân, lao động cả nước bên gan chiến đấu, lao động sản xuất với tinh thần dũng cảm, cần cù, thông minh, sáng tạo..., không ngừng tôi luyện, trưởng thành, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN trên quê hương Quảng Trị thân yêu.

Những công hiến, xây dựng phát triển và trưởng thành của bao lớp công nhân ưu tú, của đội ngũ CNVC-LĐ và các cấp công đoàn trong tỉnh 75 năm qua đã xây đắp nên truyền thống quý báu của phong trào công nhân và Công đoàn Quảng Trị, là một bộ phận khăng khít không thể tách rời, góp phần tô thắm thêm truyền thống vẻ vang của Đảng bộ và quê hương Quảng Trị anh hùng, của truyền thống công nhân và tổ chức Công đoàn Việt Nam, là nguồn tài sản tinh thần vô giá, niềm tự hào to lớn của các thế hệ cán bộ, đoàn viên, công nhân, lao động hôm nay và cả mai sau.

Việc tái hiện và phản ánh lại một cách trung thực những diễn biến và sự kiện lịch sử của các thế hệ đi trước nhằm ghi nhận sự hy sinh, công hiến của đội ngũ công nhân, lao động và các cấp Công đoàn trong quá trình lịch sử và đấu tranh cách mạng, thông qua đó nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân cho các tầng lớp công nhân, lao động trẻ hôm nay là một nhiệm vụ hết sức quan trọng và đầy khó khăn mà Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Quảng Trị và các đồng chí làm công tác chuyên trách Công đoàn tỉnh nhà hàng quan tâm.

Dựa trên cuốn "Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn tỉnh Quảng Trị 1929-1995" (sơ thảo) do Nhà xuất bản Lao Động ấn hành năm 1998, tiếp thu những ý kiến đóng góp của các đồng chí cán bộ chủ chốt Công đoàn qua các thời kỳ và của các nhà chuyên môn, cũng như căn cứ vào nhiều tư liệu lịch sử sưu tầm được, đồng thời bổ sung thêm phong trào CNVC-LĐ và hoạt động công đoàn giai đoạn từ 1996 đến 2003, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh đã chỉ đạo tổ chức biên soạn, chỉnh lý, bổ sung và tái bản cuốn "Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn tỉnh Quảng Trị (1930-2003)".

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Quảng Trị chân thành cảm ơn các cấp, các ngành, các đơn vị, các đồng chí trong Ban nghiên cứu lịch sử Đảng bộ tỉnh, các đồng chí lão thành cách mạng và những đồng chí hoạt động lâu năm trong phong trào CNVC-LĐ và Công đoàn tỉnh Quảng Trị... đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu, nhiều tư liệu quý và ẩn hộ tích cực cho lần tái bản này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng việc sưu tầm, chỉnh lý, bổ sung, biên soạn trong lần tái bản này không sao tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp xây dựng của các cơ quan, tập thể, cá nhân và bạn đọc xa gần để lần tái bản sau được tốt hơn.

Chào mừng kỷ niệm 75 năm thành lập Công đoàn Việt Nam, 15 năm lập lại tỉnh Quảng Trị, chào mừng sự kiện tổ chức Công đoàn tỉnh nhà vinh dự được đón nhận Huân chương Độc lập hạng Ba do Nhà nước trao tặng, Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh Quảng Trị trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc cuốn sách "**Lịch sử phong trào công nhân và Công đoàn tỉnh Quảng Trị (1930-2003)**".

BAN THƯỜNG VỤ LĐLĐ TỈNH QUẢNG TRỊ

PHẦN MỞ ĐẦU

Theo các nguồn thư tịch cổ và tài liệu khảo cổ học, vào thời cổ đại, vùng Quảng Trị (ngày nay) lúc đó thuộc đất bộ Việt thường - một trong 15 Bộ của nước Văn Lang, Âu Lạc thời vua Hùng, vua Thục. Trong "Dư địa chí" Nguyễn Trãi cũng đã ghi: "Xưa là Việt thường, đây là phiên đậu thứ 4 về phương Nam"⁽¹⁾.

Đầu thời Hán thuộc, cụ thể là từ năm 179 trước Công nguyên đến năm 192, Quảng Trị thuộc đất quận Nhật Nam.

Cuối thế kỷ II (190-193) nhân dân Trung Quốc rơi vào tình trạng loạn lạc, nhân dân quận Nhật Nam đã cùng với nhân dân trong vùng Tượng Lâm nổi dậy khởi nghĩa giành quyền tự chủ. Người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa này là Khu Liên. Khởi nghĩa đã giành được thắng lợi, lấy tên nước là Lâm Ấp về sau sát nhập với Tiểu vương quốc PanDuRanĐa ở phía Nam để trở thành vương quốc Chăm Pa.

Sau khi giành được quyền độc lập, tự chủ, quốc gia phong kiến Đại Việt đã không ngừng phát triển lớn mạnh nhanh chóng về mọi mặt... để loại trừ mối uy hiếp về phía Nam và phá tan âm mưu của nhà Tống cấu kết với chính quyền phong kiến Chăm Pa đánh phá nước ta, năm 1096, vua Lý Thánh Tông thân chinh thống lĩnh 5 vạn quân cùng Lý Thường Kiệt đi tiên phong đánh thắng vào kinh đô Chà Bàn, bắt được vua Chăm Pa là Chế Cử đưa

(1) Nguyễn Trãi: *Dư địa chí*, NXB Văn - Sử - Địa, Hà Nội - 1960, tr 13.

về Thăng Long. Để chuộc tội, Chế Cũ xin dâng 3 châu: Bố Chính, Địa Lý và Ma Linh cho Đại Việt, vua Lý Thánh Tông nhận 3 châu rồi tha cho Chế Cũ về nước⁽¹⁾.

Nhà Lý đổi châu Địa Lý thành châu Lâm Bình, châu Ma Linh thành châu Minh Linh, châu Minh Linh thửa ấy là vùng đất từ Cửa Việt trở ra phía Bắc, bao gồm các huyện Gio Linh, Vĩnh Linh và một phần đất Đông Hà, Cam Lộ, Hướng Hoá ngày nay⁽²⁾.

Năm 1306, vua Chăm là Chế Mân sai sứ dâng chiếu cầu hôn lên vua Trần Anh Tông của Đại Việt, vua Trần bằng lòng gả Công chúa Huyền Trân cho Chế Mân và nhận hai châu Ô, Lý mà Chế Mân đã dâng làm vật sinh lẽ. Nhà Trần đổi châu Ô làm châu Thuận, châu Lý làm Hoá Châu, Thuận Châu chính là dải đất từ sông Hiếu (Cửa Việt) trở vào phía Nam (bao gồm vùng đất nửa phía Nam tỉnh Quảng Trị và phần Bắc tỉnh Thừa Thiên - Huế ngày nay).

Năm 1558, Nguyễn Hoàng được vua Lê cho vào trấn thủ đất Thuận Hoá. Ông đã chọn vùng đất Quảng Trị (ngày nay) làm nơi đặt thủ phủ của mình. Với mưu đồ cát cứ lâu dài, Nguyễn Hoàng và các thế hệ con cháu của ông đã có nhiều cố gắng trong việc chiêu dân khai hoang lập ấp, mở rộng kinh tế, phát triển văn hoá xã hội nhằm xây dựng Thuận Hoá thành cố đô riêng của mình.

Năm 1570, Nguyễn Hoàng được vua Lê phong làm Tổng trấn hai xứ Thuận Hoá và Quảng Nam (từ Đèo Ngang đến Phú Yên ngày nay). Ông đã dời dinh đến làng Trà Bát phía Nam Ái

(1) Lê Quý Đôn, toàn tập, tập I, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 32.

(2) Phan Huy Chú: "Lịch Triều hiến chương loại chí" NXB Văn - Sử - Địa, 1966, tập I, tr 35.

Tử, cho tới 30 năm sau (1600), ông lại dời phủ tới Cát Dinh (phía Đông Ái Tử). Đến năm 1626, khi chúa Sái Nguyễn Phúc Nguyên dời dinh phủ về làng Phúc Yên (Quảng Điền - Thừa Thiên) thì Dinh Cát được gọi là "Cựu Dinh".

Về phương diện hành chính, đầu đời Lê, châu Minh Linh đổi làm huyện Minh Linh thuộc phủ Tân Bình, còn Thuận Châu được cải đặt thành hai huyện: Võ Xương, Hải Lăng thuộc phủ Triệu Phong và thuộc hạt Thuận Hoá - Thừa Thiên.

Theo "Đại Nam nhất thống chí" của Quốc Tử quán triều Nguyễn thì miền Tây Quảng Trị từ đời Lê về trước có nguồn Cam Lộ. Nhưng trong "Phủ biên tạp lục", Lê Quý Đôn lại cho rằng, dưới thời các chúa Nguyễn, miền Tây Quảng Trị có hai châu: Sa Pôn gồm 10 tổng, 68 xã và châu Thuận Bình có 6 tổng, 26 xã.

Sau khi đánh bại Tây Sơn, lên ngôi Hoàng đế, tháng 8/1801, Gia Long lấy hai huyện Hải Lăng, Đặng Xương (phủ Triệu Phong) và huyện Minh Linh (phủ Quảng Bình) lập ra dinh Quảng Trị. Riêng phía Tây lại đặt đạo Cam Lộ, mọi việc cống Man, thuế Man đều thuộc dinh Quảng Trị. Đến năm Minh Mạng thứ 4 (1823), ở miền núi đặt châu Hướng Hoá thuộc đạo Cam Lộ.

Năm 1827, Minh Mạng đổi dinh Quảng Trị thành trấn Quảng Trị và đặt Cửa Châu ở Cam Lộ. Đến Năm 1831, mới đổi trấn thành tỉnh Quảng Trị và cải đạo Cam Lộ thành phủ Cam Lộ. Năm 1834, cải châu Hướng Hoá thành huyện Hướng Hoá...

Dưới thời thuộc Pháp, mặc dù Quảng Trị ở Trung Kỳ là đất "Bảo hộ" nhưng thực dân Pháp đã quản lý rất chặt chẽ. Tên tỉnh vẫn giữ nguyên nhưng các đơn vị hành chính được chia lại cụ thể

hơn. Cả tỉnh có 06 huyện: Hải Lăng, Triệu Phong, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Hướng Hoá, thị xã Quảng Trị được thành lập từ năm 1906⁽¹⁾ đóng ở đất Hải Lăng, giáp với Triệu Phong, bên bờ Nam sông Thạch Hãn, cạnh đường quốc lộ 1A. Đây là nơi đặt các trụ sở hành chính của thực dân Pháp và Nam Triều, đồng thời là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh Quảng Trị lúc bấy giờ.

Sau khi Hiệp định Giơnevơ ký kết (20/7/1954), sông Bến Hải được chọn làm giới tuyến quân sự tạm thời, nước Việt Nam tạm thời chia làm hai miền, tỉnh Quảng Trị tạm thời chia làm hai vùng. Vùng ở bờ Nam sông Bến Hải (Nam vĩ tuyến 17) gồm các huyện Hải Lăng, Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh, Hướng Hoá, thị xã Quảng Trị và gồm một phần tư huyện Vĩnh Linh (xã Vĩnh Liêm và một phần xã Vĩnh Sơn) do chính quyền miền Nam quản lý (thuộc chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ). Hơn 3/4 huyện Vĩnh Linh ở bờ Bắc sông Bến Hải do Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà quản lý (thuộc chế độ xã hội chủ nghĩa) và được Trung ương quyết định thành lập khu vực Vĩnh Linh trực thuộc Trung ương.

Năm 1976, sau khi thống nhất nước nhà, cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện chủ trương của Trung ương, bốn đơn vị hành chính (cấp tỉnh) Quảng Bình, khu vực Vĩnh Linh, Quảng Trị, Thừa Thiên được sáp nhập thành tỉnh Bình - Trị - Thiên.

Tháng 7/1989, tỉnh Quảng Trị được lập lại. Khi được lập lại,

(1) Việt Nam những sự kiện lịch sử, tập II, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội 1981.

Quảng Trị có 4 huyện, thị xã, do nhu cầu phân chia hình thành lại các đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, do đó đến năm 1995 tỉnh Quảng Trị có 9 huyện, thị xã.

Về đất đai, Quảng Trị có diện tích tự nhiên: 4.696 km². Trong đó: Miền núi chiếm 64,93%; vùng đồng bằng và gò đồi chiếm 35,07%.

Quảng Trị có nhiều sông ngòi, hói đào lớn nhỏ như sông Thạch Hãn, sông Bến Hải, sông Hiếu, sông Ô Lâu, sông Nhùng, sông Vĩnh Phước, sông Vĩnh Định ... bắt nguồn từ dãy Trường Sơn rồi đổ ra biển Đông. Ngoài các con sông trên, Quảng Trị còn có hai con sông phía Tây Trường Sơn như sông Sê Pôn, sông Sê Păng Hiên v.v..

Quảng Trị có các quốc lộ ngang qua như số 1, số 9, số 14, số 15 (Đường Hồ Chí Minh) và các tỉnh lộ: 64, 68, 71, 72, 73, 74, 75, 76 v.v..

Hệ thống đường thuỷ, đường bộ ở Quảng Trị đan thành mạng lưới dọc ngang trên địa bàn, tiện lợi cho việc phát triển kinh tế, giao lưu hàng hoá, tạo môi kinh tế liên vùng và quốc tế...

Song toàn bộ địa bàn Quảng Trị nằm gọn trong vùng nhiệt đới gió mùa, lại ở vào vị trí cơ cấu địa hình phức tạp, sau lưng là núi, trước mặt là biển, độ dốc cao; sự khắc nghiệt của khí hậu kết hợp với sự phức tạp của địa hình đã gây ra ở Quảng Trị hầu hết các loại thiên tai vốn có của Việt Nam như: Bão, lụt, úng, hạn, xói mòn, cát bay, cát lấp, rét v.v.. Đặc biệt có gió mùa Tây Nam bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 7 hàng năm, nhiệt độ có lúc lên cao 40°C. Trong mùa hè thường bị thiếu nước trông trọt, chăn nuôi và cả cho sinh hoạt của con người. Cuối mùa hè, nhiệt độ hạ thấp

đột ngột, mưa to, gió lớn do áp thấp nhiệt đới, gây thiệt hại lớn cho nghề nông, nghề biển, nghề rừng v.v.. tàn phá các công trình nhà ở, công nghiệp, giao thông, quốc phòng... Mặt khác, hậu quả của 30 năm chiến tranh liên tục, nhất là trong hơn 20 năm chống Mỹ thật vô cùng nặng nề chưa thể nào khắc phục được, cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, nhỏ bé, sản xuất hàng hoá kém phát triển.

Về phát triển dân số: Quảng Trị là một trong các tỉnh của cả nước có tốc độ phát triển dân số tương đối nhanh. Theo thống kê của Bộ Hộ, vào tháng chạp năm Kỷ Mão, Gia Long thứ 18 (1819) tổng số dân dinh Quảng Trị là 17.200 người⁽¹⁾.

Đến cuối thế kỷ 19, năm Thành Thái thứ 10 (1898), dân số Quảng Trị là 21.776 người⁽²⁾. Theo thống kê của Y-Vơ Hâng-Zi, trong kinh tế Nông nghiệp Đông Dương, dân số Quảng Trị năm 1936 là 178.000 người. Sau ngày giải phóng (30/4/1975) toàn tỉnh có hơn 30 vạn người⁽³⁾.

Theo kết quả điều tra dân số ngày 01 tháng 4 năm 1999, tỉnh Quảng Trị có 572.921 người. Dân số Quảng Trị phân bố không đều giữa các vùng lãnh thổ, nhất là giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Mật độ trung bình của miền núi là 35,5 người/km²; ở đồng bằng 634,35 người/km², trong đó cư dân thành thị chiếm 23,4%, cư dân nông thôn chiếm 76,6%. Điều đó phản ánh nền kinh tế của Quảng Trị hiện nay chủ yếu là nông nghiệp.

(1) (2) Vũ Duy Phúc: "Tìm hiểu chế độ ruộng đất Việt Nam, nửa đầu thế kỷ XIX" NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1979, tr 379.

(3) Báo cáo của UBDS KHHGD tỉnh Quảng Trị.

Về truyền thống yêu nước: "Dưới ách thống trị của các tập đoàn phong kiến phương Bắc, nhân dân lao động ở địa bàn Quảng Trị không ngừng nổi dậy đấu tranh giành lại quyền độc lập"⁽¹⁾.

Và trong ngót 100 năm đấu tranh chống ách nô dịch của thực dân Pháp cộng với 20 năm kiên cường kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân Quảng Trị nói chung, giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn Quảng Trị nói riêng cũng được phát triển, lớn lên cùng với mảnh đất và con người Quảng Trị qua các giai đoạn cách mạng và thực sự đã góp phần xứng đáng của mình vào thắng lợi chung của dân tộc.

Trong hàng chục thế kỷ người dân quận Nhật Nam trước đây, người Quảng Trị ngày nay đã xây dựng quan hệ giữa người với người và giữa dân tộc với dân tộc dưới ánh sáng của đạo lý:

"Lấy đại nghĩa thắng hung tàn

Lấy chí nhân thay cường bạo"

Ngày nay trong thời đại mới, tiếp tục tiến lên con đường chính nghĩa, nhân dân Quảng Trị dựng nước và giữ nước, quyết chiến và quyết thắng dưới lá cờ thêu chữ vàng lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập tự do" để từ chủ nghĩa yêu nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Xưa kia cuộc hành trình của nhân dân ta trên con đường chính nghĩa có tính chất tự phát, với mục đích tự vệ là chính - không cho phép người ngoài xâm phạm đến quyền sống, quyền

(1) Trích *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Trị*, tập 1 (1930-1954), NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr.26, 28.

tự do của dân tộc. Ngày nay dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công nhân, lao động tinh ta cùng với các tầng lớp nhân dân khác đấu tranh có ý thức, có tổ chức đứng trong hàng ngũ của những người tiên tiến ở trong nước và trên thế giới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, trên tư thế cách mạng tiến công loại trừ và tiêu diệt các thế lực phản động đang có âm mưu gieo rắc trên trái đất đủ các loại tai họa: Nghèo nàn, đói rách, bất công..., ra sức dựng xây một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên hoà bình, ấm no, văn minh và hạnh phúc cho mọi người.